

Bản án số: 51/2020/HSST

Ngày 22/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng Seo Say.

2. Ông Ly Giời Có.

-Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/TLST- HS, ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐXXST- HS ngày 09/12/2020 đối với các bị cáo:

1. Vàng A S (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1965 (không xác định được ngày, tháng sinh), tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: H. Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Vàng A P, sinh năm 1931 (đã chết) và bà Vàng Thị P, sinh năm 1928 (đã chết).

Vợ: Hầu Thị P, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Con: Bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1991.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND huyện B về việc đưa Vàng A S đi cai nghiện ma túy tại trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Lào Cai trong thời hạn 12 tháng, đến ngày 22/11/2012, Vàng A S chấp hành xong trở về địa phương. Bản án hình sự số 28/2013/HSST ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Vàng A S 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến ngày 04/4/2015, Vàng A S chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Tính đến ngày phạm tội, bị cáo đã được xóa tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị T trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà.

2. Vàng A P (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1975 (không xác định được ngày, tháng sinh), tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: H. Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Vàng A V, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Tráng Thị M, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ: Sùng Thị S, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Con: Bị cáo có 05 con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hương T trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà.

Người phiên dịch cho bị cáo P là ông Sùng A P, Dân tộc H Mông.

Trú tại: Tổ 4 thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Khoảng 16 giờ ngày 02/11/2020, Vàng A S nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng, Vàng A S gọi điện thoại cho Vàng A P rủ đi mua ma túy, Vàng A P đồng ý. Vàng A S mang theo số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng và đi bộ ra khu vực ngã 3 thôn B, xã N chờ Vàng A P. Vàng A P mang theo số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, điều khiển xe mô tô biển kiểm sát 24B2- 537.70 đi tới, chờ Vàng A S đi lên xã Y, huyện B. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Vàng A S và Vàng A P đến ngủ nhờ nhà Vàng A D (em họ của Vàng A P) tại thôn P, xã Y, huyện B. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, Vàng A P điều khiển xe mô tô chở Vàng A S đi đến khu vực rừng già thì gặp một người đàn ông mặc quần áo dân tộc Dao đứng ở ven đường. Vàng A P hỏi người đàn ông này “có ma túy (Hêrôin) bán không”, người đàn ông trả lời “có” và hỏi P mua bao nhiêu, P nói bán cho 500.000 đồng và lấy tiền đưa cho người đàn ông này, Vàng A S cũng nói bán cho

1.500.000 đồng và lấy tiền đưa cho người đàn ông này. Người đàn ông này nhận tiền của P và S rồi đưa cho P và S mỗi người một gói ma túy được gói bằng nilon màu đen, Vàng A P điều khiển xe mô tô chở Vàng A S đi về nhà. Khi đi đến thôn T, xã T, huyện B, tổ công tác Công an huyện B đang làm nhiệm vụ tại khu vực trên thấy Vàng A S và Vàng A P có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, Vàng A S và Vàng A P đều tự giác lấy từ trong túi áo ngực bên trái 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong chứa chất bột khô màu trắng, vón cục (Vàng A S và Vàng A P khai nhận là ma túy của từng người mua về để sử dụng). Ngoài ra còn thu giữ của Vàng A P 01 (một) xe mô tô loại Wave RSX nhãn hiệu HONDA màu sơn đen, đồ biển kiểm soát 24B2- 537.70, 01 (một) điện thoại Nokia N 1200 màu đen; thu giữ của Vàng A S 01 (một) điện thoại ViVo 1820 màu xanh đen.

Ngày 03/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định trưng cầu giám định về ma túy số 90 đối với vật chứng thu giữ của Vàng A P và Vàng A S ngày 03/11/2020.

- Kết luận giám định về ma túy số 229 ngày 05/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Mẫu M1: Chất bột khô màu trắng vón cục thu giữ của Vàng A P có khối lượng 1,43 gam ; Mẫu M2: Chất bột khô màu trắng vón cục thu giữ của Vàng A S có khối lượng 5,91 gam đều là ma túy Heroine (Hêrôin).

Đối với người đàn ông bán ma túy (Hêrôin) cho Vàng A P và Vàng A S vào ngày 03/11/2020 tại khu vực rừng già xã Y, huyện B. Do Vàng A P và Vàng A S không biết tên, tuổi và địa chỉ của người đàn ông này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Vàng A S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Vàng A P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Vàng A S và Vàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 5,69 gam Hê rô in thu giữ của bị cáo Vàng A S và 1,34 gam Hê rô in thu giữ của bị cáo Vàng A P còn lại sau trích mẫu giám định, được tái niêm phong trong 02 bì thư. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo S và bị cáo P.

- Ý kiến của người bào chữa cho 02 bị cáo: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, các tình tiết giảm nhẹ 02 người bào chữa cho 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A S mức thấp nhất của khung hình phạt là 05 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A P mức hình phạt là 01 năm 03 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Lời khai nhận tội của 02 bị cáo S và P Phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trong vụ án này 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P đều là người nghiện ma túy, mua ma túy về sử dụng, bị cáo S là người rủ bị cáo P cùng đi mua ma túy và mua của cùng một người. Nhưng khi mua bị cáo S và bị cáo P dùng tiền riêng của mình trả cho người bán và nhận gói ma túy của mình cất giấu riêng, không liên quan gì đến nhau. Nên đây không phải là vụ án đồng phạm, do vậy từng bị cáo phải chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với khối lượng ma túy mà mình đã tàng trữ. Đối với bị cáo Vàng A S tàng trữ 5,91 gam Hê rô in nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị Cáo Vàng A P tàng trữ 1,43 gam Hê rô in nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P đã thực hiện là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Gây mất trật tự, trị an ở địa phương, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe,

suy thoái giống nòi, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy. Để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, góp phần đẩy lùi và loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Cần phải đưa vụ án ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật và quyết định mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo.

Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo Vàng A S là người có nhân thân xấu, đã từng có tiền án, tiền sự, tàng trữ khối lượng ma túy 5,91 gam Hê rô in; bị cáo Vàng A P tàng trữ 1,43 gam Hê rô in, nên mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với các quy định của pháp luật. Còn mức hình phạt đối với 02 bị cáo do người báo chữa đề nghị là nhẹ chưa tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không được chấp nhận.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P là người nghiện ma túy, tàng trữ ma túy để sử dụng, không có lợi nhuận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo.

[3] Về vật chứng gồm: 5,91 gam Hê rô in thu giữ của bị cáo Vàng A S trích mẫu 0,22 gam giám định lưu mẫu không hoàn lại còn lại 5,69 gam và 1,43 gam Hê rô in thu giữ của bị cáo Vàng A P trích mẫu 0,09 gam giám định lưu mẫu không hoàn lại còn lại còn lại 1,34 gam, được tái niêm phong trong 02 bì thư là vật cầm tàng trữ, cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động Nokia N1200 màu đen thu giữ của Vàng A P; 01 điện thoại di động ViVo 1820 màu xanh đen thu giữ của Vàng A S các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24B2- 537.70 đã thu giữ của Vàng A P. Không phải là vật chứng trong vụ án, cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, người bào chữa không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo Vàng A S và bị cáo Vàng A P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố 02 bị cáo Vàng A S và Vàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về mức hình phạt:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A S 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 03/11/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A P từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 03/11/2020.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ: 7,34 gam Hê rô in được tái niêm phong trong 02 bì thư gồm : bì thứ nhất 1,34 gam Hê rô in còn lại sau trích mẫu giám định cùng mảnh ni lon màu đen và bì thư gửi giám định. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên giao, nhận, 01 điểm chỉ có ghi (trở phải của Vàng A P), hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai. Trên mặt bì niêm phong có ghi (Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu khi bắt quả tang Vàng A P ngày 03/11/2020 tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bì thứ hai 5,69 gam Hê rô in còn lại sau trích mẫu giám định cùng mảnh ni lon màu đen và bì thư gửi giám định. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên giao, nhận, và chữ ký của Vàng A S, hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Lào Cai. Trên mặt bì niêm phong có ghi (Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu khi bắt quả tang Vàng A S ngày 03/11/2020 tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước : 01 điện thoại di động Nokia N1200 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Vàng A P; 01 điện thoại di động ViVo 1820 màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của Vàng A S.

4. Về án phí: Căn Cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vàng A S và bị cáo Vàng A P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; 02,
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (8);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dong Đinh Thị Hạnh

Ngô Đức Quang

